TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: **382**/2024/QĐST-HNGĐ	*Tân phú, ngày 23 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 293/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:
Ông Trần Văn M– sinh năm 1969
Địa chỉ: B V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Bùi Thị X - sinh năm 1969
Địa chỉ: B V, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn M và bà Bùi Thị X.

[2] Về quan hệ con chung: Ông bà có 01 người con chung tên là Trần Ngọc H sinh năm 1996, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[5] Về lệ phí Tòa án : 300.000đồng ông Trần Văn M và bà Bùi Thị X chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn M và bà Bùi Thị X. Quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà X theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 quyển số 01/94 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/07/1994 chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Có 01 người con chung tên là Trần Ngọc H sinh năm 1996, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án : 300.000đồng ông Trần Văn M và bà Bùi Thị Xuân c, được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông M, bà X đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0007892 ngày 08/04/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- UBND Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (Vi)

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương